

BÁO CÁO SỰ KIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ

Thuế quan Hoa Kỳ và bước ngoặt cạnh tranh chuỗi cung ứng của Việt Nam

Lợi thế vẫn còn, nhưng tỷ lệ nội địa hóa trở thành điều kiện then chốt- P2

09.2026



12.5% Mục 301 đã có hiệu lực; 10.76 điểm % là chênh lệch hiện hành; 29.28% là kịch bản của OCBS Research, không phải nghĩa vụ hiện tại.

Luật hiện hành, chênh lệch cạnh tranh và kịch bản rủi ro phải được đọc tách biệt; mức 40% chống trung chuyển đã chấm dứt ngày 20/02/2026.

12.5%

Việt Nam chịu thêm theo Điều 301 đối với các mặt hàng thuộc phạm vi áp dụng, sau khi xét các ngoại lệ.

10.76 điểm %

Chênh lệch thuế bổ sung giữa Trung Quốc và Việt Nam

29.28%

Kịch bản bất lợi = MFN + Mục 232 + $25\% \times$ tỷ trọng trùng khớp chính xác + chênh lệch hiện hành + Mục 301 lao động cưỡng bức. Đây không phải mức thuế đã được ban hành.

HIỆN HÀNH: Việt Nam chịu thêm 12.5% Mục 301 về lao động cưỡng bức, trừ phụ lục/ngoại lệ; IEEPA và Mục 122 đã hết hiệu lực.

PHẠM VI PHÂN TÍCH: 42,13% kim ngạch trong mẫu có mã hàng trùng khớp với phạm vi tham chiếu; chênh lệch Trung Quốc–Việt Nam hiện tại là 10.76 điểm %.

KỊCH BẢN: giả định +25% Mục 301 về dư thừa công suất trên phạm vi trùng khớp chính xác, cộng MFN^(*), Mục 232, Mục 301 lao động cưỡng bức hiệu dụng và chênh lệch thuế TQ–VN → 29,28%; không cộng mức 40% đã hết hiệu lực. Điện tử lớn nhất theo USD, thủy sản cao nhất theo thuế quy đổi.

Rủi ro trung chuyển hiện được xử lý theo từng vụ việc/lô hàng dựa trên quy tắc xuất xứ, thay vì áp một mức thuế chung đối với hàng Việt Nam.

NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo về gian lận trung chuyển cáo buộc hàng Trung Quốc đi qua nước thứ ba bằng lắp ráp nhẹ, đổi nhãn, đóng gói lại, lập lại hóa đơn hoặc khai sai xuất xứ. Báo cáo tạo tín hiệu thực thi, không tự ban hành biểu thuế mới.

Từ 24/07/2026, Việt Nam chịu thêm 12.5% Mục 301 về lao động cưỡng bức theo một biện pháp riêng, có phụ lục và ngoại lệ. Mức IEEPA 40% đã kết thúc ngày 20/02/2026.

CƠ CHẾ THỰC THI

1

Phát hiện bất thường
HS, tuyến hàng, sở hữu,
đầu vào

2

Kiểm chứng xuất xứ
Dữ liệu sản xuất, công
suất, C/O

3

Xác định lại nghĩa vụ thuế
theo xuất xứ thực tế của
hàng hóa

4

Thực thi
Giữ hàng, truy thu, phạt,
loại trừ

Hai vấn đề cần được xem xét đồng thời: (1) tính đúng thuế hiện hành theo HTS, xuất xứ, ngày nhập khẩu và ngoại lệ; (2) chứng minh chuyển đổi đáng kể. Dùng đầu vào Trung Quốc không tự động là vi phạm, nhưng khả năng chứng minh xuất xứ hạn chế có thể làm tăng rủi ro bị kiểm tra, giữ hàng, truy thu hoặc xử phạt.

25% / 35% / 45% là các giả định về chênh lệch thuế có thể bị tránh trong trường hợp xảy ra trung chuyển bất hợp pháp; đây không phải thuế suất áp dụng với Việt Nam.

ƯỚC TÍNH NGHĨA VỤ THUẾ CÓ THỂ BỊ THẤT THU

=

KIM NGẠCH GIẢ ĐỊNH CÓ RỦI RO TRUNG CHUYỂN

×

CHÊNH LỆCH THUẾ GIẢ ĐỊNH CÓ THỂ BỊ TRÁNH

NGHĨA VỤ HIỆN HÀNH THEO TỜ KHAI

MFN + 12.5% Mục 301 lao động cưỡng bức (nếu áp dụng)

+ Mục 232 / AD-CVD (nếu áp dụng) – Phụ lục / loại trừ / ngoại lệ

IEEPA: kết thúc 20/02/2026

Mục 122: hết 23/07/2026

**Thuế đối với hàng hóa từ các nước có dư thừa công suất: hiện
vẫn đang điều tra, thuế suất hiện hành = 0**

**Không cộng cơ học kim ngạch hay các biện pháp đã hết hiệu lực. 67 tỷ USD / 28 tỷ USD và 25%/35%/45% chỉ dùng để đánh giá độ
nhạy của nghĩa vụ thuế tiềm năng; chúng không làm tăng trực tiếp thuế suất của toàn bộ hàng Việt Nam.**

ĐIỀU 301 VỀ DƯ THỪA CÔNG SUẤT LÀ HỒ SƠ RIÊNG, NHƯNG CÓ THỂ DÙNG CÁC CHỈ BÁO THƯƠNG MẠI TƯƠNG TỰ



USTR đã mở điều tra riêng với 16 nền kinh tế; báo cáo trung chuyển có thể làm tăng mức độ chú ý nhưng hai hồ sơ chưa đồng nhất về pháp lý.

HỒ SƠ 301

USTR mở điều tra về "dư thừa công suất và sản xuất mang tính cơ cấu" với 16 nền kinh tế, bao gồm Việt Nam, Mexico và Ấn Độ.

Công báo Liên bang nhấn mạnh Việt Nam có thặng dư lớn với Mỹ và vai trò "trung tâm lắp ráp cuối".

Mức thuế dư thừa công suất chưa có quyết định cuối cùng.

LIÊN HỆ VỚI BÁO CÁO TRUNG CHUYỂN

Các chỉ báo có thể được cơ quan Mỹ xem xét	Đối với Việt Nam
Nhập đầu vào Trung Quốc	Tăng xác suất kiểm tra hàm lượng / nhà cung cấp
Xuất khẩu sang Mỹ	Tập trung vào nhóm hàng tăng mạnh sau 2018
Thặng dư thương mại	Tăng áp lực chính sách / đàm phán
Năng lực sản xuất	Kiểm tra sản lượng, điện năng, lao động, tồn kho

Hai hồ sơ độc lập về pháp lý, nhưng cùng làm gia tăng mức độ quan tâm của Mỹ đối với thặng dư thương mại, đầu vào Trung Quốc và năng lực sản xuất thực tế tại Việt Nam.

Việt Nam thuộc nhóm có quy mô lớn và tích hợp sâu với chuỗi cung ứng Trung Quốc.

Nhóm	Tiêu chí	Nền kinh tế tiêu biểu	Hàm ý
Nhóm 1	Quy mô lớn, cơ sở công nghiệp đa dạng	Canada, EU, Ấn Độ, Mexico, Hàn Quốc, Đài Loan	Quy mô thương mại hợp pháp lớn khiến việc nhận diện các giao dịch bất thường phức tạp hơn.
Nhóm 2	Quy mô lớn và tích hợp sâu với chuỗi Trung Quốc	Brazil, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam	Trọng tâm kiểm tra: sản xuất thực chất hay chỉ lắp ráp / thay đổi xuất xứ trên giấy tờ
Nhóm 3	Quy mô nhỏ hơn, lợi thế hậu cần / khu tự do	Campuchia, Lào, Philippines, Singapore, UAE...	Rủi ro tập trung hơn ở hoạt động tái xuất, kho ngoại quan hoặc gia công tối thiểu.

Không phải mọi trường hợp sử dụng đầu vào từ Trung Quốc đều bị xem là vi phạm.

Rủi ro xuất hiện khi công đoạn tại Việt Nam chưa tạo ra mức độ "chuyển đổi đáng kể" đủ để được công nhận về xuất xứ.

Mỹ có thể đối chiếu C/O với năng lực nhà máy, tuyến vận chuyển, lịch sử nhập khẩu và quan hệ sở hữu.

Việt Nam vẫn duy trì lợi thế trong xu hướng "Trung Quốc+1" nhờ quy mô sản xuất, mạng lưới FDI và khả năng tiếp nhận chuỗi cung ứng lớn, nhưng lợi thế này sẽ ngày càng phụ thuộc vào mức độ sản xuất thực chất trong nước.

Việc sử dụng đầu vào Trung Quốc không mặc nhiên tạo rủi ro, song các doanh nghiệp có tỷ trọng nguyên liệu, linh kiện Trung Quốc cao sẽ chịu yêu cầu chứng minh chặt chẽ hơn về quy trình sản xuất, năng lực nhà máy, giá trị gia tăng và tính nhất quán của dữ liệu xuất xứ.

Vì vậy, nội địa hóa, khả năng truy xuất chuỗi cung ứng và mức độ "chuyển đổi đáng kể" tại Việt Nam sẽ trở thành các yếu tố quyết định khả năng duy trì lợi thế xuất khẩu sang Mỹ, thay vì chỉ dựa vào việc đặt công đoạn lắp ráp cuối cùng tại Việt Nam.

Đánh giá kết hợp quy mô nhập khẩu từ Trung Quốc, tăng trưởng đầu vào, xuất khẩu sang Mỹ và thặng dư thương mại với Mỹ.

Quốc gia	Xuất khẩu của Trung Quốc sang nước trung chuyển 2025	So với cùng kỳ	Nhập khẩu của Mỹ từ nước trung chuyển 2025	Thâm hụt thương mại của Mỹ với nước trung chuyển 2025
Việt Nam	198.6 tỷ USD	22.7%	193.9 tỷ USD	178.3 tỷ USD
Mexico	89.2 tỷ USD	-1.0%	534.3 tỷ USD	197.0 tỷ USD
Ấn Độ	136.0 tỷ USD	12.8%	103.8 tỷ USD	58.4 tỷ USD

Trong ba nền kinh tế được OTEA nhấn mạnh, Việt Nam đồng thời có kim ngạch nhập khẩu lớn từ Trung Quốc, xuất khẩu cao sang Mỹ và thặng dư thương mại lớn với Mỹ. Điều này có thể làm tăng mức độ giám sát xuất xứ, nhưng không phải bằng chứng về trung chuyển bất hợp pháp.

So với Mexico, kim ngạch hàng hóa Trung Quốc xuất sang Việt Nam lớn hơn đáng kể; trong khi so với Ấn Độ, quy mô xuất khẩu sang Mỹ và thặng dư thương mại của Việt Nam lớn hơn nhiều.

Tuy nhiên, các chỉ tiêu trên chỉ phản ánh rủi ro cần kiểm tra, không đồng nghĩa với bằng chứng vi phạm; yếu tố quyết định vẫn là khả năng chứng minh quá trình sản xuất thực chất và giá trị gia tăng được tạo ra tại Việt Nam.

Nguồn: Nhà Trắng, USTR, Công báo Liên bang, Cục Thống kê Dân số Mỹ, cơ sở dữ liệu thương mại quốc tế; OCBS ước tính.

25% / 35% / 45% là các giả định về chênh lệch thuế được sử dụng trong phân tích độ nhạy.

Giả định tỷ trọng VN	Kim ngạch có dấu hiệu cần kiểm tra	Thuế thất thu theo chênh lệch		
		25%	35%	45%
Thấp	22.3 tỷ USD	5.6 tỷ USD	7.8 tỷ USD	10.0 tỷ USD
Trung bình	34.4 tỷ USD	8.6 tỷ USD	12.0 tỷ USD	15.5 tỷ USD
Cao	40.2 tỷ USD	10.0 tỷ USD	14.1 tỷ USD	18.1 tỷ USD

OTEA công bố 67 tỷ USD kim ngạch được xác định có dấu hiệu cần kiểm tra qua Mexico, Ấn Độ và Việt Nam và 28 tỷ USD thuế thất thu tổng hợp, nhưng không công bố phân bổ riêng cho Việt Nam. Vì vậy, **bảng trên là phân tích độ nhạy của OCBS**, không phải số liệu kết luận của cơ quan Mỹ.

Quy định hiện hành phải tính riêng: từ 24/07/2026, Mục 301 về lao động cưỡng bức của Việt Nam là +12.5%, trừ phụ lục/ngoại lệ; IEEPA đã kết thúc và Mục 122 đã hết hiệu lực. Thuế thất thu chỉ phát sinh khi CBP/Bộ Thương mại Mỹ xác định lại xuất xứ hoặc có lần tránh/trốn thuế trong hồ sơ cụ thể.

Phân loại theo hai trục: thuế suất trực tiếp và khả năng chứng minh xuất xứ.

Nhóm ngành	Rủi ro thuế	Rủi ro kiểm tra xuất xứ	Hàm ý
Dệt may	Cao	Trung bình – cao	MFN cao, ít miễn trừ, cạnh tranh Trung Quốc và biên mỏng
Giày dép / túi xách	Cao	Cao	Chuỗi nguyên liệu dài và tỷ trọng gia công cao làm tăng yêu cầu truy xuất nguồn gốc.
Gỗ / nội thất	Cao	Trung bình – cao	Mỹ chiếm tỷ trọng cao, rủi ro AD/CVD
Điện tử / máy tính	Thấp hơn	Cao	Nhiều mã được miễn trừ, nhưng tỷ trọng đầu vào từ Trung Quốc cao làm tăng yêu cầu truy xuất.
Máy móc / thiết bị	Trung bình	Cao	Cơ quan Mỹ có thể đối chiếu mã HS với năng lực sản xuất thực tế.
Nhựa / linh kiện	Trung bình	Cao	Dòng thương mại Trung Quốc – Việt Nam – Mỹ có thể chịu mức độ kiểm tra cao hơn.

Nhóm điện tử có thể ít chịu thuế trực tiếp hơn trong mô hình 301, nhưng rủi ro truy xuất cao do tỷ trọng đầu vào Trung Quốc và cấu trúc FDI cao.

Nội địa hóa vừa nâng giá trị gia tăng, vừa củng cố khả năng chứng minh xuất xứ của doanh nghiệp.

BỘ CHỈ TIÊU THEO DÕI

Chỉ tiêu	Ý nghĩa
Đầu vào Trung Quốc	Tỷ trọng theo mã HS, nhà cung cấp, linh kiện trọng yếu
Xuất khẩu sang Mỹ	Tăng trưởng bất thường theo mã hàng, địa phương, doanh nghiệp
Năng lực sản xuất	Lao động, máy móc, điện năng, sản lượng, tồn kho
Chuyển đổi đáng kể	Công đoạn làm thay đổi bản chất / công dụng / mã hàng
Quan hệ sở hữu	Liên kết với công ty mẹ, nhà cung ứng hoặc nhà xuất khẩu Trung Quốc
Diễn biến USTR/CBP	Mục 301 dư thừa công suất, EAPA, AD/CVD, Mục 232, quy tắc xuất xứ

ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Lập hồ sơ xuất xứ theo mã hàng, nhà cung cấp và từng công đoạn sản xuất.

Chuẩn hóa dữ liệu sản xuất: lao động, điện năng, công suất, sản lượng, tồn kho.

Phân biệt rõ hàng tái xuất/hậu cần với hàng được sản xuất thực chất tại Việt Nam

Ưu tiên FDI có liên kết nội địa và chuyển giao năng lực sản xuất.

Lợi thế FDI bền vững không nằm ở việc xuất khẩu từ Việt Nam, mà ở khả năng chứng minh sản phẩm thực sự tạo giá trị tại Việt Nam.

Chính sách thuế tăng dòng tiền sau thuế; chính sách biên giới thay đổi giá nhập khẩu tương đối và đòn bẩy đàm phán.



NHÁNH THUẾ NỘI ĐỊA

12/2017 — TCJA

- Thuế suất doanh nghiệp liên bang 35% → 21%; khấu trừ QBI tối đa 20%; khấu hao thường ban đầu 100%.
- Yếu tố thuế theo lãnh thổ + GILTI / FDII / BEAT.

04/07/2025 — Phụ lục 119-21

- CBO: thâm hụt ròng +3.4 nghìn tỷ USD trong 2025–2034.



NHÁNH BIÊN GIỚI / THUẾ QUAN

2018 — Mục 201 / Mục 232 / Mục 301 Trung Quốc

- Bảo vệ chiến lược, tăng đòn bẩy và điều chỉnh nguồn cung ứng.

2025 — IEEPA về fentanyl / thuế đối ứng đi trước luật thuế tháng 7.

02/09/2026 — Mục 301 lao động cưỡng bức + Mục 232 theo sản phẩm đang có hiệu lực; Mục 301 dư thừa công suất còn chờ kết luận.

12/2017

02–07/2018

02–04/2025

04/07/2025

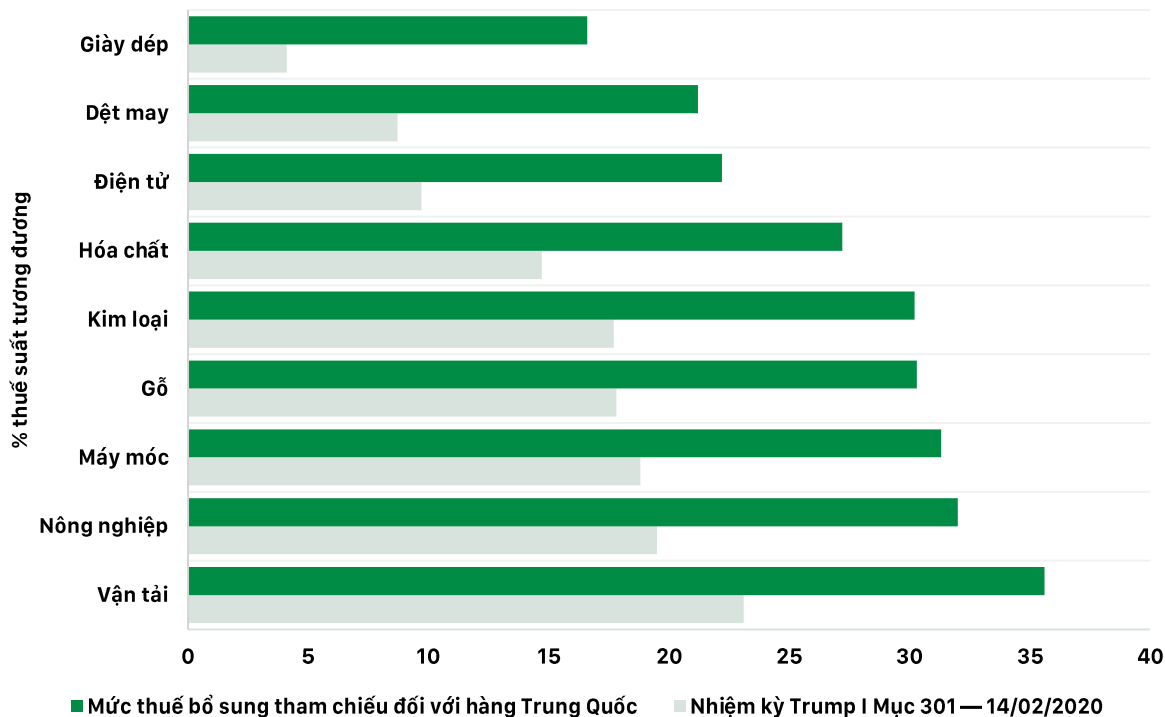
02–07/2026

07–09/2026



Hai nhóm chính sách có thể cùng phục vụ mục tiêu kinh tế – chính trị, nhưng không hình thành một chuỗi nhân quả cố định.

Cơ sở pháp lý là công nghệ/sở hữu trí tuệ; thuế suất tương đương phải tính theo tỷ lệ bao phủ $\times$ thuế suất, không thể chỉ đọc mức công bố 25%.



BỐN BƯỚC MỞ RỘNG

DANH SÁCH 1

34 tỷ USD | 25% | 06/07/2018

DANH SÁCH 2

16 tỷ USD | 25% | 23/08/2018

DANH SÁCH 3

200 tỷ USD | 10% → 25%

DANH SÁCH 4A

120 tỷ USD | 15% → 7.5%

60.7–71.4%

tỷ lệ bao phủ nhập khẩu từ Trung Quốc năm 2017.

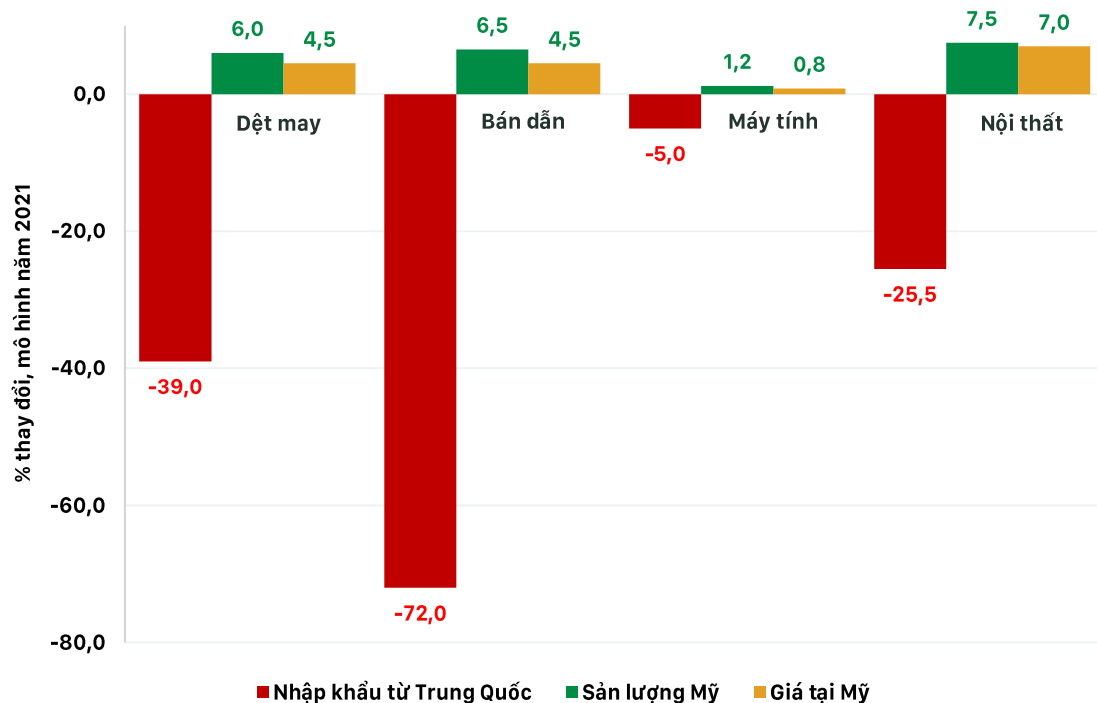
11.67–13.49%

thuế suất tương đương ngày 14/02/2020

THUẾ QUAN CHỦ YẾU LÀM DỊCH CHUYỂN NGUỒN CUNG KHỎI TRUNG QUỐC, CHƯA TẠO RA MỨC ĐỘ DỊCH CHUYỂN SẢN XUẤT VỀ MỸ TƯƠNG ỨNG



USITC: nhập khẩu từ Trung Quốc giảm mạnh; nhập khẩu từ phần còn lại của thế giới bù lại phần lớn, trong khi sản lượng và giá tại Mỹ tăng ít hơn.



10 TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP

TRUNG QUỐC + 1

PHÂN BỐ

- Apple • HP • Logitech • Google
- Nintendo • Hasbro • Ricoh • GoPro

MÔ HÌNH KẾT HỢP

ASUS: >90% máy tính cá nhân/bo mạch chủ sang Đông Nam Á; máy chủ sang Mỹ.

DỊCH CHUYỂN SẢN XUẤT VẬT CHẤT RỖ RÀNG

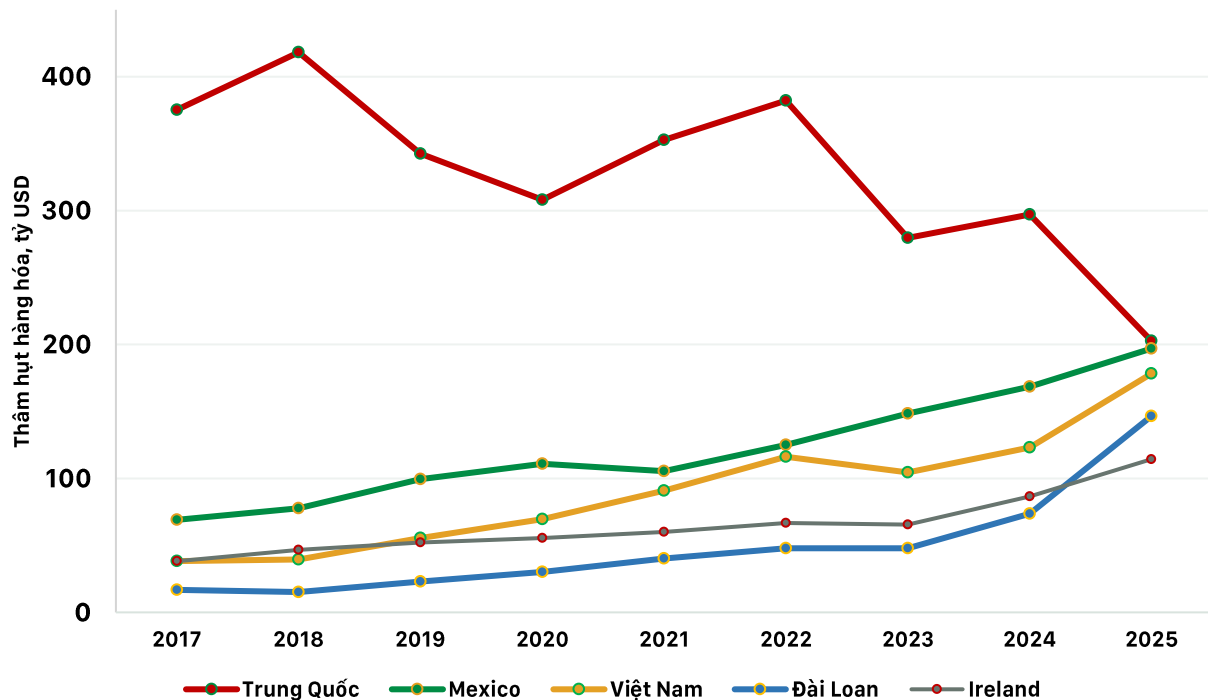
GE Appliances: 490 triệu USD; 800 việc làm; hơn 15 mẫu từ Trung Quốc → Louisville; mở năm 2027

RỜI TRUNG QUỐC ≠ ĐẾN MỸ

THÂM HỤT VỚI TRUNG QUỐC GIẢM MẠNH, NHƯNG NHẬP KHẨU CHUYỂN SANG CÁC ĐỐI TÁC KHÁC



Tái cân bằng song phương phản ánh thay đổi đối tác; không chứng minh từng USD đã được tái định tuyến tương ứng.



↔ 4 ĐỐI TÁC CÓ THÂM HỤT THƯƠNG MẠI VỚI MỸ TĂNG MẠNH

TRUNG QUỐC
-172.5 tỷ USD
-46.0%

MEXICO + VIỆT NAM
+ ĐÀI LOAN + IRELAND
+474.1 tỷ USD | +292%

12 THÁNG GẦN NHẤT → 06/2026

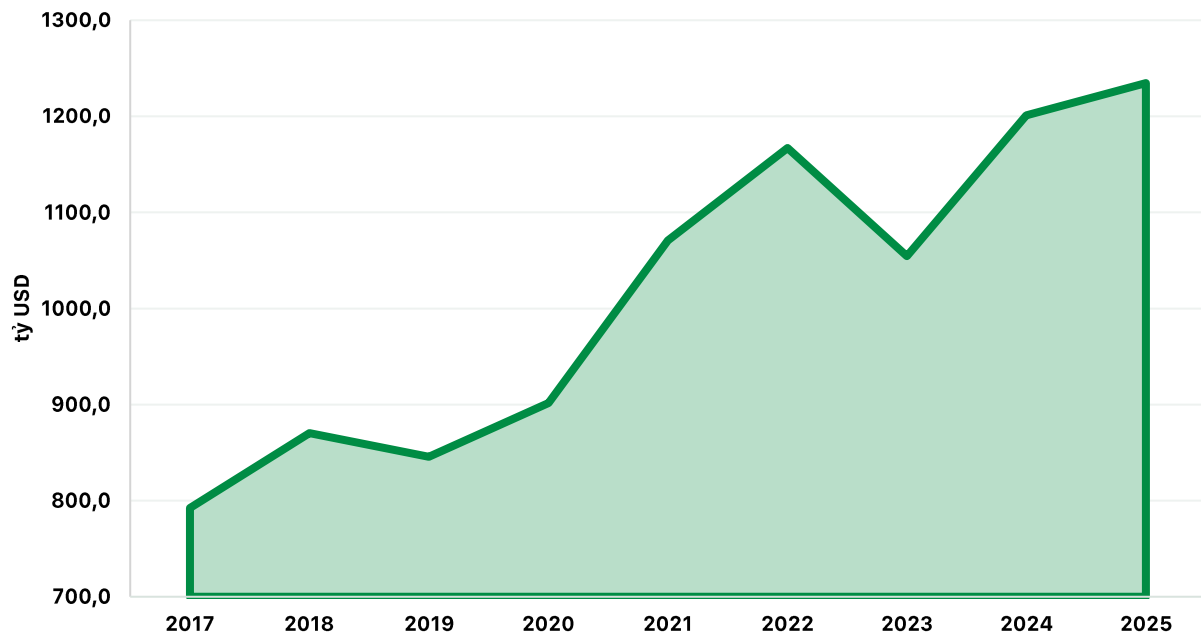
Việt Nam 210.9 | Mexico 203.4
Đài Loan 197.6 | Trung Quốc 164.8
| Ireland 49.6

5 đối tác = 78.3% toàn cầu

Thuế quan làm thay đổi đối tác thương mại, nhưng chưa làm giảm thâm hụt hàng hóa tổng thể của Mỹ



Thuế quan có thể đổi nhà cung cấp, nhưng tổng thâm hụt còn phụ thuộc chênh lệch tiết kiệm—đầu tư, chính sách tài khóa, tỷ giá và tổng cầu.



+442.2 tỷ USD
+55.8% | 2017 → 2025

Tỷ trọng nhập khẩu từ Trung Quốc
≈22% (2017) → ≈14% (cuối 2023)

Thuế quan là chất xúc tác, nhưng chưa đủ để đưa sản xuất về Mỹ.

Mỹ còn cần tự động hóa, năng lượng, kỹ năng, hậu cần, độ chắc chắn của nhu cầu và hỗ trợ/mua sắm công.



TIẾT KIỆM—ĐẦU TƯ



THÂM HỤT TÀI KHÓA



TỶ GIÁ / THU NHẬP



TỔNG CẦU

Nguồn: Cục Thống kê Dân số Mỹ; Cục Dự trữ Liên bang; Ngân hàng Thế giới/JIE; tài liệu trang 8–9. Giai đoạn còn gồm COVID, kích thích kinh tế, CHIPS/IRA và làn sóng AI.

TẠI 02/09/2026: ĐIỀU 301 VỀ LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC ĐÃ CÓ HIỆU LỰC; DƯ THỪA CÔNG SUẤT VẪN ĐANG ĐIỀU TRA



Không được cộng cơ học các biện pháp đã hết hiệu lực; cấu phần thuế hiện hành phải kiểm tra HTS, xuất xứ, ngày nhập khẩu và quy tắc không cộng chồng.

2025 — BIỆN PHÁP BIÊN GIỚI ĐI TRƯỚC

2026 — TÒA ÁN / LUẬT TÁI XÁC LẬP

02–03/2025

IEEPA về
fentanyl
+10 → +20

04/2025

Thuế đối ứng
nền +10
Trung Quốc
tăng vọt

04/07/2025

P.L. 119-21
thâm hụt ròng
+3.4 nghìn tỷ
USD

20/02/2026

Thuế IEEPA kết
thúc

24/02–23/07

Mục 122 +10
HẾT HIỆU LỰC

24/07/2026

Mục 301 lao
động cưỡng bức
Việt Nam +12.5%
CÓ HIỆU LỰC

11/03/2026 — Mục 301 VỀ DƯ THỪA CÔNG SUẤT MANG TÍNH CƠ CẤU

16 nền kinh tế gồm Việt Nam. Tại 02/09/2026: mới có thông báo khởi xướng và biên bản điều trần; chưa có kết luận, biện pháp, thuế suất hoặc phụ lục HTS cuối cùng.

CẤU PHẦN THUẾ HIỆN HÀNH THEO TỜ KHAI

MFN + Mục 301 lao động cưỡng bức + Mục 232 theo sản phẩm / AD-CVD – phụ lục / loại trừ / ngoại lệ

IEEPA = ĐÃ KẾT THÚC

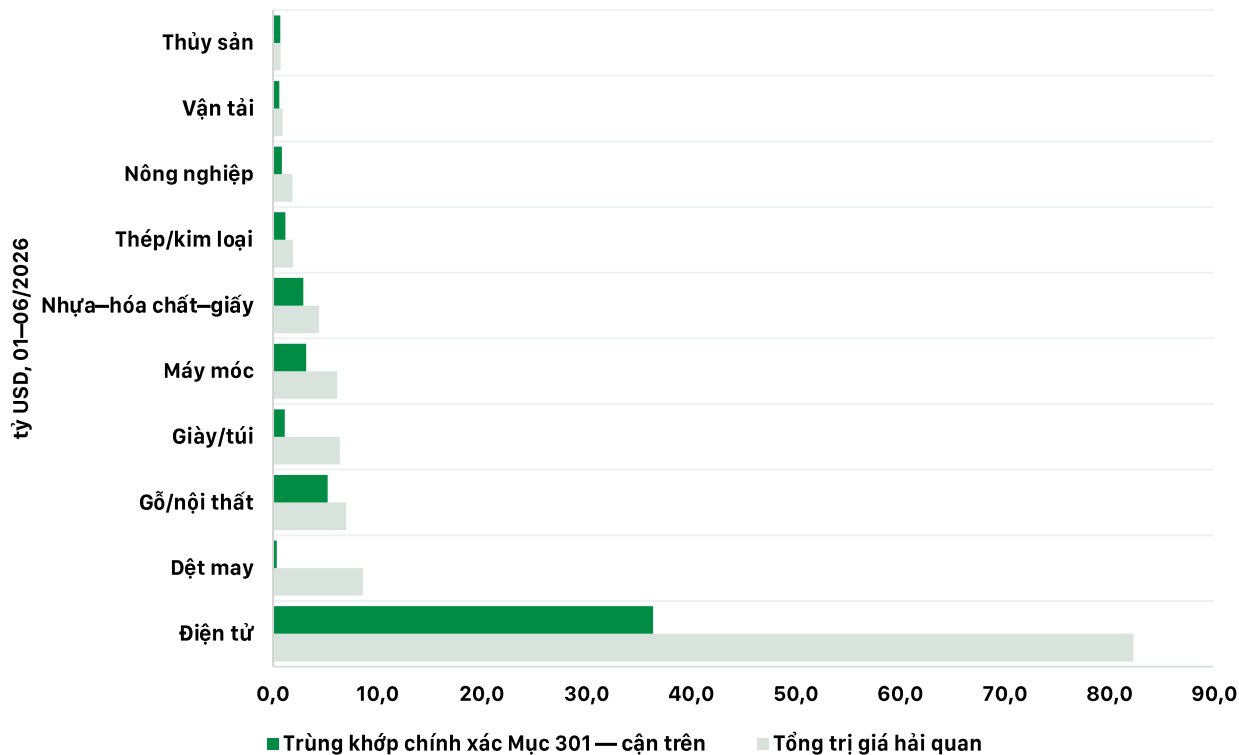
Mục 122 = HẾT HIỆU LỰC

DƯ THỪA CÔNG SUẤT = ĐANG CHỜ

ĐIỆN TỬ CÓ QUY MÔ RỦI RO LỚN NHẤT VỀ GIÁ TRỊ; THỦY SẢN, GỖ VÀ NHỰA CÓ TỶ LỆ MẶT HÀNG TRÙNG KHỚP CAO HƠN



Điện tử áp đảo theo trị giá hải quan; thủy sản, gỗ, nhựa—hóa chất, vận tải và kim loại có tỷ lệ trùng khớp cao hơn.



TỶ LỆ TRÙNG KHỚP

125.861 TỶ USD
TỔNG MẪU PHÂN TÍCH

QUY MÔ RỦI RO

Điện tử 82.327 tỷ USD | 65.4%
tổng mẫu

Trùng khớp chính xác $\approx$ 26.0–
36.4 tỷ USD

TỶ LỆ TRÙNG KHỚP

Thủy sản 93.2%

Gỗ 74.6% | Nhựa 65.9%

Vận tải 65.5% | Kim loại 61.1%

TRÙNG KHỚP CHÍNH XÁC

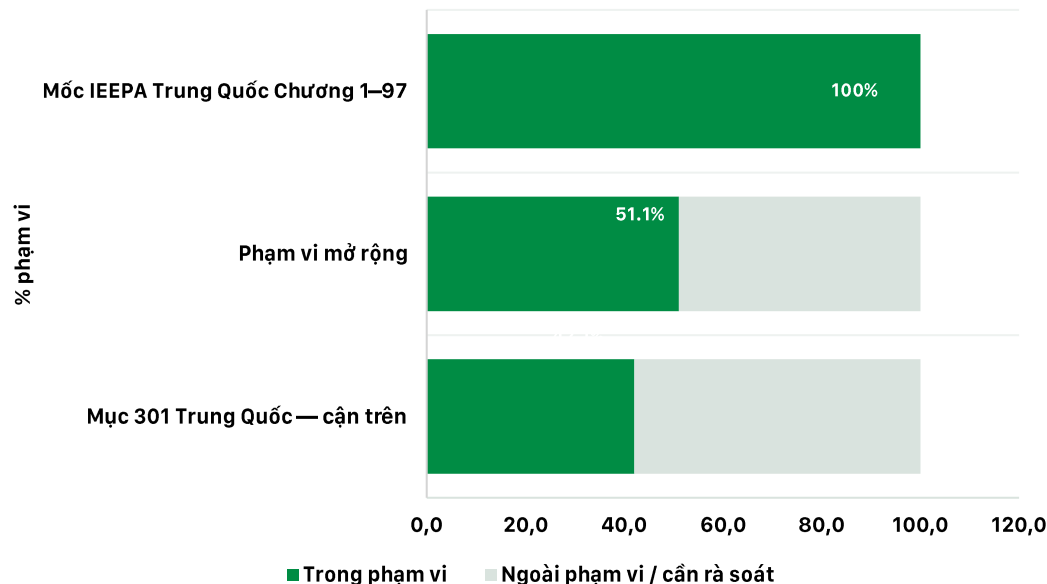
32.9–42.1%

PHẠM VI MỞ RỘNG

51.1%

MỐC SO SÁNH LỊCH SỬ – KHÔNG PHẢI KỊCH BẢN HIỆN HÀNH

Mục 301 Trung Quốc là danh sách sản phẩm chọn lọc; IEEPA Trung Quốc năm 2025 bao phủ theo xuất xứ. Không thể dùng hai khái niệm thay thế nhau.



Nếu Mỹ dùng biện pháp bao phủ theo xuất xứ tương tự với Việt Nam, rủi ro sẽ rộng theo xuất xứ — không chọn lọc theo ngành như Mục 301 Trung Quốc.



MỐC SO SÁNH IEEPA

MỐC SO SÁNH LỊCH SỬ
124.015 tỷ USD hàng Chương 1–97 trong dữ liệu HTS10 Việt Nam có 100% sản phẩm tương ứng trong phạm vi IEEPA Trung Quốc năm 2025.

MÃ SỐ TOÀN BỘ
125.861 tỷ USD gồm Chương 98/99 → tỷ lệ bao phủ 98.53%; 1.845 tỷ USD Chương 98/99 phải rà soát theo từng tờ khai.

KHÔNG SUY DIỄN

Không phải thuế hiện hành của Việt Nam; không có nghĩa Việt Nam chịu thuế suất của Trung Quốc; không chứng minh hàng hóa trung chuyển.

KHÔNG PHẢI MỌI LIÊN KẾT VỚI TRUNG QUỐC ĐỀU LÀ TRUNG CHUYỂN BẤT HỢP PHÁP



Sở hữu, đầu vào Trung Quốc hoặc mã HTS trùng khớp làm tăng mức độ kiểm tra; trách nhiệm pháp lý vẫn cần bằng chứng theo từng lô hàng và quy tắc xuất xứ.



TRUNG QUỐC + 1 HỢP PHÁP

KIỂM TRA

Sản xuất/chế biến tại Việt Nam tạo chuyển đổi đáng kể; hồ sơ xuất xứ nhất quán.

HỆ QUẢ

Có thể mang xuất xứ Việt Nam; hàm lượng Trung Quốc không tự biến thành hành vi trốn thuế.



LẦN TRÁNH AD/CVD (*)

KIỂM TRA

Bộ Thương mại Mỹ xác định công đoạn tại Việt Nam né một lệnh hoặc nằm trong quyết định phạm vi.

HỆ QUẢ

Ký quỹ/truy thu theo lệnh cụ thể; không phải kết luận cho toàn quốc.



GIAN LẬN XUẤT XỨ / TRỐN THUẾ

KIỂM TRA

Đổi tuyến, đổi nhãn, lập lại hóa đơn, gia công tối thiểu hoặc khai sai xuất xứ/giá trị.

HỆ QUẢ

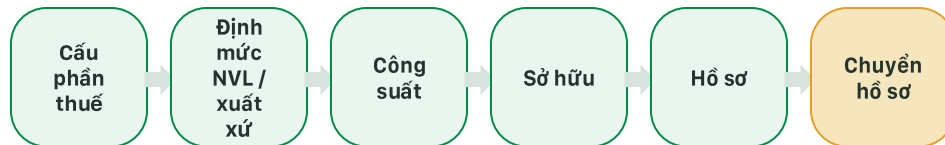
CBP/EAPA/Điều 1592: tạm dừng thông quan, truy thu, phạt và tăng cường kiểm soát.

LIÊN KẾT TRUNG QUỐC ≠ BẤT HỢP PHÁP

- Doanh nghiệp FDI Trung Quốc: 1,287 (2018) → 2,864 (2023); tỷ trọng xuất khẩu Việt Nam sang Mỹ: ~11% → 25%.
- Ước tính tái định tuyến của HBS: theo dòng sản phẩm 16%/15.5 tỷ USD so với theo doanh nghiệp 1.8%/1.7 tỷ USD.



CHUỖI DỮ LIỆU CƠ QUAN MỸ CÓ THỂ ĐỐI CHIẾU: TỜ KHAI → NHÀ MÁY



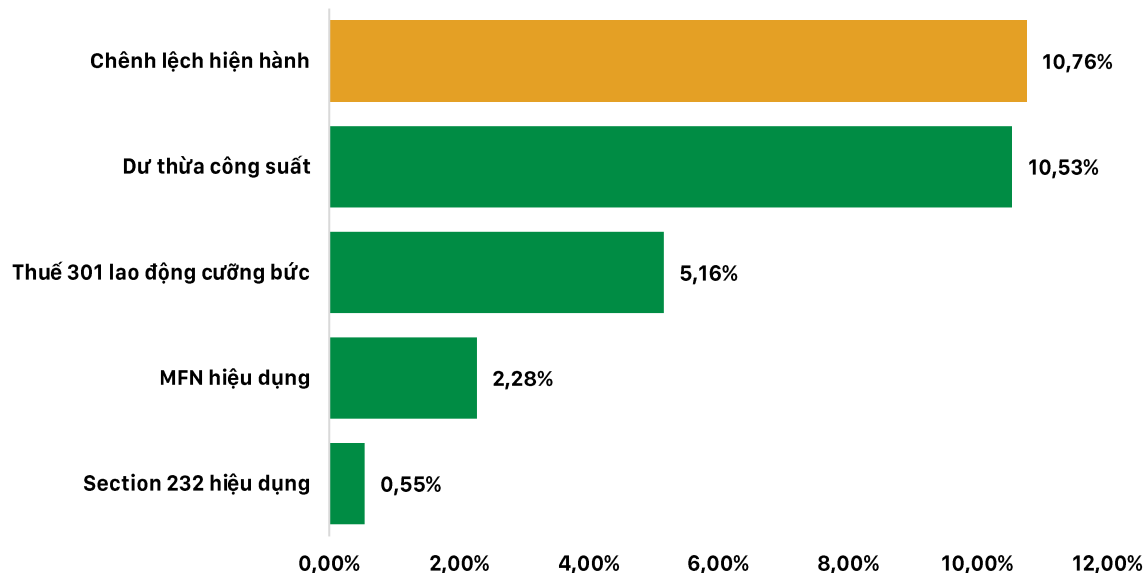
Sắc lệnh 14411 chuyển trọng tâm thực thi sang nhà nhập khẩu, bảo lãnh, chủ sở hữu hưởng lợi và công bố chuỗi cung ứng. Ngay cả doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ cũng có thể phải chịu chi phí chứng minh và tuân thủ cao hơn.

KỊCH BẢN STRESS: TÁCH RÕ THUẾ HIỆN HÀNH, RỦI RO CHÍNH SÁCH VÀ RỦI RO XUẤT XỨ



Phân rã dùng cùng mẫu số USD 125.861 tỷ: MFN + Mục 232 hiệu dụng + 25% × tỷ trọng trùng khớp chính xác thuộc phạm vi pháp lý + chênh lệch hiện hành + Mục 301 lao động cưỡng bức hiệu dụng 5,16 điểm %.

Điểm phần trăm trên toàn mẫu



KỊCH BẢN STRESS

29.28%

MỨC THUẾ QUY ĐỔI TRONG KỊCH BẢN STRESS

7,276 HTS10 | USD 125.861 tỷ

$$2.28 + 0.55 + 5.16 + 10.76 + 10.53 = 29.28\%$$

GHI CHÚ

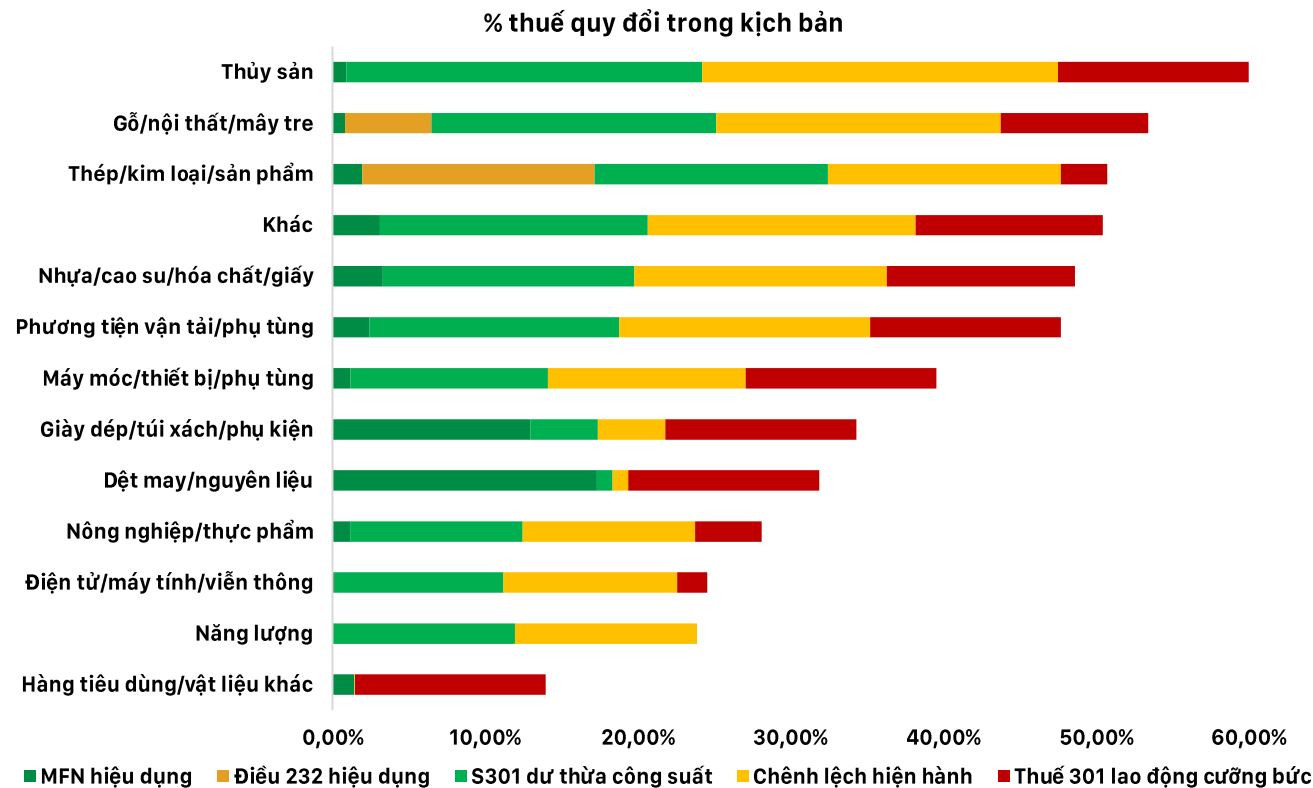
- 25% là giả định của OCBS Research; USTR chưa ban hành.
- Δ 10.76 điểm là mốc so sánh, không phải sắc thuế riêng.
- Không cộng mức 40% đã hết hiệu lực.

Hai cấu phần stress chính – Mục 301 dư thừa công suất 10,53 điểm và chênh lệch TQ–VN 10,76 điểm – cộng 21,29 điểm; MFN, Mục 232 và Mục 301 lao động cưỡng bức hiệu dụng nâng tổng mức thuế quy đổi trong kịch bản lên 29,28%.

KỊCH BẢN STRESS PHÂN HÓA MẠNH THEO NGÀNH



MFN và Mục 232 làm thay đổi thứ hạng; Điện tử có mức thuế quy đổi thấp hơn nhiều ngành khác, nhưng quy mô kim ngạch chịu tác động lớn nhất.



THỨ HẠNG PHÂN HÓA

60.02%
CAO NHẤT: Thủy Sản

NHÓM ĐỈNH

Thép kim loại 50.76%
Gỗ 53.42% | Nhựa 48.63%

ĐIỆN TỬ: 24.55% | QUY MÔ
USD LỚN NHẤT

Mọi cấu phần dùng cùng mẫu số, đúng trạng thái pháp lý và được tính lại khi USTR công bố phụ lục HTS hoặc quy tắc mới.

6 QUY TẮC ĐỊNH LƯỢNG

Hạng mục	Quy tắc
Tập HTS	USTR/Công báo Liên bang ở HTS8; cộng 36 HTS10 được nêu đích danh; không gán 25% cho HTS6 tương đồng
Thuế hiệu dụng	Gia quyền theo trị giá hải quan trên cùng giỏ HTS10; tách MFN, Mục 232, Mục 301 và AD/CVD
Luật hiện hành	IEEPA kết thúc 20/02; Mục 122 hết 23/07; Mục 301 lao động cưỡng bức 12.5% từ 24/07
Chênh lệch TQ–VN	10.76 điểm %, từ Mục 301 Trung Quốc trước đây; trước miễn trừ sản phẩm; không phải sắc thuế riêng
Kịch bản dư thừa	$O = 25\% \times \text{phạm vi chính xác}$; $B = \text{MFN} + \text{Mục 232} + \text{Mục 301 lao động cưỡng bức} + O + \Delta$; mức thuế quy đổi trên toàn bộ mẫu = 29,28%.
Bằng chứng	Cục Thống kê Dân số Mỹ: hàng hóa, danh nghĩa, NSA; trường hợp doanh nghiệp chỉ minh họa cơ chế

Nguồn: USTR; Công báo Liên bang; OCBS tính toán.

GIỚI HẠN VÀ ĐIỀU KIỆN CẬP NHẬT

- **HỒ SƠ:** miễn trừ, hàng đang vận chuyển, Chương 98, FTZ, AD/CVD, Mục 232 và HTS có thể làm thuế thực nộp khác mô hình.
- **DỮ LIỆU:** Census thiếu giá trị gia tăng Trung Quốc; OTEA USD 67 tỷ không tách Việt Nam; 2017–2025 không phải ước lượng nhân quả.
- **CẬP NHẬT:** khi USTR ban hành thuế, phụ lục HTS, miễn trừ hoặc quy tắc cộng chồng.

29.28% là kịch bản của OCBS Research, không phải biện pháp đã ban hành.

Kịch bản cơ sở chưa làm thay đổi quỹ đạo tăng trưởng; rủi ro tập trung ở nhóm thâm dụng lao động và doanh nghiệp có khả năng chứng minh xuất xứ hạn chế.

VĨ MÔ	TTCK		
RỦI RO VĨ MÔ TRONG KỊCH BẢN CƠ SỞ CÒN HẠN CHẾ Mục 301 có xu hướng áp theo ngành/sản phẩm, đi kèm miễn trừ, trì hoãn hoặc đàm phán thay vì áp rộng trên toàn bộ hàng Việt Nam.			
ĐIỆN TỬ LÀ BIẾN SỐ QUAN TRỌNG NHẤT Nhiều mã hàng công nghệ chủ chốt hiện thuộc diện miễn trừ; rủi ro tăng rõ nếu hồ sơ dư thừa công suất mở rộng sang điện tử và công nghệ cao.			
CHINA+1 VẪN GIỮ LỢI THẾ FDI và xuất khẩu vẫn có nền tảng, nhưng lợi thế bền vững phụ thuộc nhiều hơn vào nội địa hóa, truy xuất nguồn gốc và sản xuất thực chất tại Việt Nam.			
	Nhóm ngành	Đánh giá	Hàm ý
	Điện tử / công nghệ cao	THEO DÕI	Thuế hiện tại thấp hơn, nhưng là biến số vĩ mô lớn nhất nếu phạm vi điều tra mở rộng.
	Dệt may / giày dép	RỦI RO CAO	Ít miễn trừ, biên mỏng; vẫn giữ lợi thế thuế tương đối so với Trung Quốc.
	Gỗ / nội thất	RỦI RO CAO	Nhạy với xuất xứ, AD/CVD và các biện pháp thuế theo sản phẩm.
	Thủy sản	PHÂN HÓA	Khả năng hưởng lợi hoặc suy giảm cạnh tranh khác nhau theo sản phẩm và đối thủ.
	Cảng / logistics	HƯỞNG LỢI GIÁN TIẾP	Hưởng lợi nếu dịch chuyển FDI và dòng hàng qua Việt Nam tiếp tục duy trì.

Lợi thế Trung Quốc+1 vẫn được duy trì, nhưng thị trường sẽ ngày càng phân hóa doanh nghiệp theo khả năng nội địa hóa, truy xuất xuất xứ và mức độ chịu tác động của từng ngành.

Các thông tin, số liệu thống kê và nhận định trong báo cáo được tổng hợp từ các nguồn công khai mà OCBS cho là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành. Tuy nhiên, OCBS không bảo đảm tính chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tuyệt đối của các thông tin do bên thứ ba cung cấp.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích – CTCP Chứng Khoán OCBS, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán OCBS. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (024) 7770 1212

Website: <https://ocbs.com.vn/>

Phòng phân tích

Email: research@ocbs.com.vn